

69/2001/QĐ-TTg ngày 03/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực).

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
*Thủ trưởng*

TRẦN VĂN TÁ

## **THÔNG TƯ số 98/2001/TT-BTC ngày 05/12/2001 hướng dẫn kế toán phí xăng dầu.**

*Căn cứ Nghị định số 78/2000/NĐ-CP ngày 26/12/2000 của Chính phủ về phí xăng dầu;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2001/TT-BTC ngày 17/1/2001 và Thông tư số 63/2001/TT-BTC ngày 09/8/2001 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 78/2000/NĐ-CP ngày 26/12/2000 của Chính phủ về phí xăng dầu;*

*Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán phí xăng dầu như sau:*

### **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

**1.** Thông tư này áp dụng cho tất cả các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế có hoạt động sản xuất, kinh doanh xăng dầu, mua xăng dầu về sử dụng, bao gồm đối tượng chịu phí, nộp phí xăng dầu, đối tượng không chịu phí và không phải nộp phí xăng dầu.

**2.** Khi bán xăng dầu, các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh xăng dầu phải ghi số tiền phí xăng dầu thành một dòng riêng trên hóa đơn giá trị gia tăng: Giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng, thuế giá trị gia tăng, phí xăng dầu và tổng giá thanh toán.

**3.** Đối với xăng dầu thuộc diện chịu phí xăng dầu và cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh xăng dầu thuộc đối tượng nộp phí xăng dầu, doanh thu bán xăng dầu được phản ánh theo giá bán chưa có phí xăng dầu.

**4.** Đối với xăng dầu thuộc diện chịu phí xăng dầu và cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh xăng dầu không thuộc đối tượng nộp phí xăng dầu, doanh thu bán xăng dầu được phản ánh theo giá bán đã có phí xăng dầu.

**5.** Giá vốn xăng dầu mua vào được phản ánh theo giá mua đã có phí xăng dầu.

### **II. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN PHÍ XĂNG DẦU**

#### **1. Kế toán mua xăng dầu.**

1.1. Khi nhập khẩu xăng dầu về dùng vào mục đích sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ ghi:

Nợ TK 152, 156...

Có TK 112, 131...

Có TK 3333 - Thuế xuất, nhập khẩu (Chi tiết thuế nhập khẩu)

Có TK 3332 - Thuế tiêu thụ đặc biệt.

Đồng thời phản ánh số thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu phải nộp, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

Có TK 33312 - Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu.

Trường hợp nhập khẩu xăng dầu về dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng hoặc tính thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp trực tiếp, kế toán phản ánh thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu, ghi:

Nợ TK 152, 156...

Có TK 33312 - Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu.



1.2. Khi mua xăng dầu ở trong nước dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh giá vốn của xăng dầu mua vào theo giá mua đã có phí xăng dầu, ghi:

Nợ TK 152, 156, 641, 642 (bao gồm giá mua có phí xăng dầu)

Nợ TK 133 - Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ  
Có TK 112, 331... (Tổng giá thanh toán).

1.3. Khi mua xăng dầu ở trong nước dùng vào mục đích sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng hoặc tính thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp trực tiếp, mua xăng dầu dùng cho hành chính sự nghiệp, kế toán phản ánh giá vốn của xăng dầu mua vào theo giá đã có phí xăng dầu và thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 152, 156, 641, 642... (Tổng giá thanh toán)

Có TK 112, 331... (Tổng giá thanh toán).

## 2. Kế toán doanh thu bán xăng dầu và phí xăng dầu.

2.1. Đối với đơn vị bán xăng dầu thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ và thuộc đối tượng nộp phí xăng dầu vào ngân sách nhà nước, khi bán xăng dầu, kế toán phản ánh doanh thu theo giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng và chưa có phí xăng dầu và phản ánh phí xăng dầu phải nộp vào ngân sách nhà nước, ghi:

Nợ TK 111, 112, 131 (Tổng giá thanh toán)

Có TK 3339 - Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (Chi tiết phí xăng dầu)

Có TK 3331 - Thuế giá trị gia tăng phải nộp

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng

Có TK 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ.

2.2. Đối với đơn vị bán xăng dầu thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp và thuộc đối tượng nộp phí xăng dầu, khi bán xăng dầu, kế toán phản ánh doanh thu theo giá bán đã có thuế giá trị gia tăng và phản

ánh phí xăng dầu phải nộp vào ngân sách nhà nước, ghi:

Nợ TK 111, 112, 131 (Tổng giá thanh toán)

Có TK 3339 - Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (Chi tiết phí xăng dầu)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng

Có TK 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ.

2.3. Đối với đơn vị bán xăng dầu thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ và không thuộc đối tượng nộp phí xăng dầu, khi bán xăng dầu, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng theo giá bán đã có phí xăng dầu không có thuế giá trị gia tăng, ghi:

Nợ TK 111, 112, 131 (Tổng giá thanh toán)

Có TK 3331 - Thuế giá trị gia tăng phải nộp

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng

Có TK 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ.

2.4. Đối với đơn vị bán xăng dầu thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp và không thuộc đối tượng nộp phí xăng dầu, khi bán xăng dầu, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng theo tổng giá thanh toán, ghi:

Nợ TK 111, 112, 131 (Tổng giá thanh toán)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng (Tổng giá thanh toán)

Có TK 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ.

2.5. Đối với đơn vị nhận ủy thác nhập khẩu xăng dầu, khi xuất xăng dầu trả cho đơn vị ủy thác nhập khẩu, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng (Chi tiết đơn vị ủy thác nhập khẩu)

Có TK 3339 - Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (Chi tiết phí xăng dầu)

Có TK 156 - Hàng hóa.

2.6. Trường hợp bán xăng dầu thông qua các đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng:

- Kế toán ở đơn vị giao hàng đại lý:

+ Khi xuất xăng dầu giao cho các đại lý phải lập phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý, căn cứ vào phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý, ghi:



Nợ TK 157 - Hàng gửi đi bán

Có TK 155, 156.

+ Trường hợp đơn vị giao hàng đại lý thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, và thuộc đối tượng nộp phí xăng dầu, khi nhận Bảng kê hóa đơn bán ra của xăng dầu bán qua đại lý đã tiêu thụ do các đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng lập gửi về, kế toán lập hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định và phản ánh doanh thu bán hàng và phản ánh phí xăng dầu phải nộp vào ngân sách nhà nước, ghi:

Nợ TK 111, 112, 131

Có TK 3331 - Thuế giá trị gia tăng phải nộp

Có TK 3339 - Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (Chi tiết phí xăng dầu)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng.

+ Trường hợp đơn vị giao hàng đại lý thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, và không thuộc đối tượng nộp phí xăng dầu, khi nhận Bảng kê hóa đơn bán ra của xăng dầu bán qua đại lý đã tiêu thụ do các đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng lập gửi về, kế toán lập hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định và phản ánh doanh thu bán hàng, ghi:

Nợ TK 111, 112, 131

Có TK 3331 - Thuế giá trị gia tăng phải nộp

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng.

+ Số tiền hoa hồng phải trả cho đơn vị nhận bán hàng đại lý, ghi:

Nợ TK 641 - Chi phí bán hàng

Nợ TK 133 - Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

Có TK 131, 111, 112.

- Kế toán ở đơn vị nhận đại lý, bán đúng giá hưởng hoa hồng:

+ Khi nhận hàng đại lý ghi vào bên Nợ TK 003 "Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi". Khi xuất bán hoặc trả lại hàng cho bên giao hàng ghi vào bên Có TK 003 "Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi".

+ Khi xuất bán xăng dầu nhận đại lý, phải ghi số tiền phí xăng dầu thành một dòng riêng trên hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn bán hàng theo chế độ quy định. Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn bán hàng, kế toán phản ánh số tiền bán hàng xăng dầu đại lý phải trả cho bên giao hàng, ghi:

Nợ TK 111, 112, 131

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (Tổng giá thanh toán bao gồm cả phí xăng dầu).

+ Định kỳ, khi xác định doanh thu hoa hồng bán hàng đại lý được hưởng, đơn vị nhận bán hàng đại lý phải lập hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn bán hàng theo chế độ quy định và phản ánh doanh thu hoa hồng bán hàng đại lý, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng.

+ Khi trả tiền bán hàng đại lý cho bên giao hàng, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 111, 112...

2.7. Đối với xăng dầu sử dụng nội bộ ở đơn vị thuộc đối tượng nộp phí xăng dầu: Khi xuất xăng dầu thuộc diện chịu phí xăng dầu sử dụng vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 627, 641, 642... (Giá vốn xăng dầu và phí xăng dầu phải nộp)

Có TK 3339 - Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (Chi tiết phí xăng dầu)

Có TK 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ (Theo giá vốn).

2.8. Đối với đơn vị không thuộc đối tượng nộp phí xăng dầu, khi xuất xăng dầu sử dụng vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng, ghi:

Nợ TK 627, 641, 642...

Có TK 3331 - Thuế giá trị gia tăng phải nộp

Có TK 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ (Theo giá vốn).



2.9. Khi nộp phí xăng dầu vào ngân sách nhà nước, ghi:

Nợ TK 3339 - Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (Chi tiết phí xăng dầu)

Có TK 111 - Tiền mặt

Có TK 112 - Tiền gửi ngân hàng.

2.10. Khi xuất khẩu xăng dầu, ghi:

- Phản ánh doanh thu bán hàng, ghi:

Nợ TK 112, 131

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng.

- Phản ánh thuế xuất khẩu phải nộp, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng

Có TK 3333 - Thuế xuất, nhập khẩu (Chi tiết thuế xuất khẩu).

- Số phí xăng dầu được Nhà nước hoàn lại, ghi:

+ Trường hợp số tiền phí xăng dầu được hoàn đối với lượng xăng dầu xuất khẩu trong cùng năm tài chính thì số tiền phí xăng dầu được hoàn được hạch toán giảm chi phí kinh doanh hàng xuất khẩu, ghi:

Nợ TK 3339 - Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (Chi tiết phí xăng dầu)

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán.

+ Trường hợp số phí xăng dầu được hoàn đối với lượng xăng dầu thực tế xuất khẩu năm trước (số phí xăng dầu năm trước được hoàn vào năm sau), kế toán phản ánh số phí xăng dầu được hoàn vào thu nhập bất thường của các năm được hoàn phí xăng dầu, ghi:

Nợ TK 3339 - Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (Chi tiết phí xăng dầu)

Có TK 721 - Các khoản thu nhập bất thường.

+ Khi nhận được tiền do ngân sách nhà nước hoàn phí xăng dầu, ghi:

Nợ TK 111, 112

Có TK 3339 - Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (Chi tiết phí xăng dầu).

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2001. Các quy định trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Những phần hạch toán khác không hướng dẫn trong Thông tư này thì thực hiện theo chế độ kế toán hiện hành./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
Thủ trưởng

TRẦN VĂN TÁ

### THÔNG TƯ số 99/2001/TT-BTC ngày 05/12/2001 hướng dẫn việc ưu tiên kinh phí để ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

*Thực hiện Quyết định số 81/2001/QĐ-TTg ngày 24/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hành động triển khai Chỉ thị số 58/CT-TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa giai đoạn 2001 - 2005;*

*Bộ Tài chính hướng dẫn việc ưu tiên bố trí kinh phí để ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của các Bộ, ngành và địa phương như sau:*

#### I. QUY ĐỊNH CHUNG

- Các Bộ, ngành và địa phương có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi và ưu tiên bố trí kinh phí cho các đơn vị trực thuộc thực hiện việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin theo Chỉ thị số 58/CT-TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Quyết định số 81/2001/QĐ-TTg